

Vietnam Daily Review

Dấu hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/7/2022	•		
Tuần 25/7-29/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay bật tăng 17 điểm, vượt lên trên ngưỡng 1200 với thanh khoản lớn. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 26/30 mã thuộc nhóm VN30 tăng điểm, 15/19 ngành đóng cửa trong sắc xanh, trong đó ngành Ngân hàng đóng vai trò là trụ đỡ của thị trường trong phiên hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tiếp theo, VN-Index có thể sẽ có những phiên test lại mốc 1200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+17.08** điểm, đóng cửa **1208.12** điểm. HNX-Index **+5.32** điểm, đóng cửa **289.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.22)**, **VRE (+1.08)**, **BCM (+0.91)**, **GVR (+0.87)**, **SAB (+0.87)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BVH (-0.11)**, **DBC (-0.1)**, **FPT (-0.08)**, **HAG (-0.07)**, **FRT (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13956 tỷ đồng, tăng **74.71%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15347 tỷ đồng.
- Biên độ giao động: 22.99 điểm. Thị trường có **378** mã tăng, 66 mã tham chiếu, **90** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **675.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KDC (361.51 tỷ)**, **STB (92.36 tỷ)**, **SSI (59.13 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.57** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1208.12**

Giá trị: 13955.86 tỷ **17.08 (1.43%)**

Khối ngoại (ròng): 675.61 tỷ

HNX-INDEX **289.84**

Giá trị: 0 tỷ **5.32 (1.87%)**

Khối ngoại (ròng): 4.57 tỷ

UPCOM-INDEX **88.87**

Giá trị: 0.67 tỷ **0.63 (0.71%)**

Khối ngoại (ròng): -12.64 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	99.3	2.07%
Giá vàng	1,746	0.69%
Tỷ giá USD/VND	23,366	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,770	0.50%
Tỷ giá JPY/VND	17,232	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.6%	0.50%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-0.50%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	361.5	HPG	-108.0
STB	92.4	DRC	-13.2
SSI	59.1	SAB	-13.0
KBC	54.0	IJC	-9.3
VRE	33.7	DCM	-9.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	98.12	3.31%	-1.76%	-9.89%	35.55%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	107.31	2.79%	0.37%	-5.70%	45.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.44	2.86%	4.97%	-12.62%	48.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1733.62	0.97%	2.19%	-4.73%	-4.05%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	19.07	2.52%	2.23%	-8.48%	-23.50%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1579.00	3.07%	8.97%	1.45%	10.27%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	789.69	-1.80%	-3.64%	-15.63%	14.66%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.51	0.04%	-0.18%	-7.48%	36.26%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	157.60	0.13%	-0.13%	-3.61%	-5.57%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	435.84	-2.82%	-8.72%	-14.46%	-6.52%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	17.05	-0.18%	0.59%	2.80%	24.78%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	219.10	2.77%	0.44%	-1.26%	9.30%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	3.43	1.39%	3.00%	-9.13%	-23.47%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	3866.00	0.18%	1.66%	-12.85%	-31.37%		
Nhôm	USD/ton	2427.00	-0.41%	0.08%	-2.57%	-4.95%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	110.00	5.77%	8.91%	-9.47%	-45.68%		HPG
Than đá	USD/ton	414.00	0.91%	3.76%	5.49%	176.46%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 27/7, dầu thô Brent tăng 2.22 USD tương đương 2.1% lên 106.62 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 2.28 USD tương đương 2.4% lên 97.26 USD/thùng.
- Giá dầu tăng hơn 2 USD/thùng, do tồn trữ tại Mỹ giảm và việc Nga cắt giảm dòng khí đốt sang châu Âu bù đắp lo ngại nhu cầu yếu và Mỹ tăng lãi suất.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1% lên 1,735.49 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 8/2022 trên sàn New York tăng 0.1% lên 1,719.1 USD/ounce.
- Giá vàng tăng hơn 1%, do đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản như dự kiến.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2022 trên sàn Đại Liên tăng 2.4% lên 744.5 CNY (110.11 USD)/tấn, sau khi đạt mức cao nhất (756 CNY/tấn) kể từ ngày 11/7/2022 trong đầu phiên giao dịch.
- Giá quặng sắt tại Đại Liên đạt mức cao mới 2 tuần, sau số liệu cho thấy rằng lợi nhuận của các công ty công nghiệp Trung Quốc trong tháng trước tăng.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2023 trên sàn Osaka giảm 1.4 JPY tương đương 0.6% xuống 238.2 JPY (1.74 USD)/kg.
- Giá cao su tại Nhật Bản giảm, do các thương nhân vẫn thận trọng về suy thoái kinh tế toàn cầu và quyết định tăng lãi suất dự kiến từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2022 trên sàn ICE tăng 5.9 US cent tương đương 2.8% lên 2.191 USD/lb. Đồng thời, giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2022 trên sàn London tăng 35 USD tương đương 1.8% lên 2,009 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2022 trên sàn ICE giảm 0.07 US cent tương đương 0.4% xuống 17.4 US cent/lb, sau khi chạm mức thấp nhất 1 năm (17.32 US cent/lb) trong đầu phiên giao dịch.

Thị trường chứng khoán thế giới

	28/7	% 28/7	27/7	% 27/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1208.12	1.43%	1191.04	0.50%	0.81%	-0.82%
S&P 500			4023.61	2.62%	1.61%	2.86%
HĐTL S&P500	4006.00	-0.46%	4024.50	2.58%	0.12%	2.62%
Shang-hai	3282.58	0.21%	3275.76	-0.05%	0.32%	-3.71%
Euro Stoxx	3600.71	-0.20%	3607.78	0.91%	0.12%	1.45%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	23.95	10	3.23%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

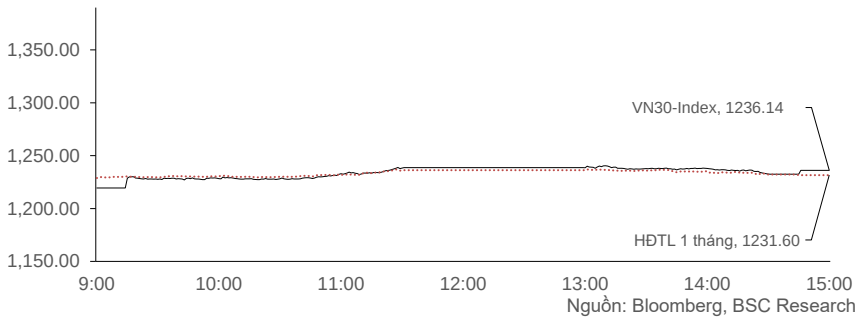
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	1	0.00%	-0.43%	-0.43%	9
Cổ phiếu đã chốt	249	222	7.10%	-7.53%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2208	1231.60	0.70%	-4.54	0.4%	163,834	8/18/2022	21
VN30F2209	1231.60	0.70%	-4.54	0.4%	163,834	8/18/2022	21
VN30F2212	1231.60	0.70%	-4.54	0.4%	163,834	8/18/2022	21
VN30F22303	1231.30	1.30%	-4.84	-8.9%	123	3/16/2023	231

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng +16.71 điểm lên 1236.14 điểm, biên độ dao động 13.7 điểm. Các cổ phiếu như STB, VPB, TCB, VRE và MBB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30. Nhịp vận động của chỉ số VN30 hôm nay xuất hiện gap tăng đầu phiên, hình thành cây nến xanh với mức thanh khoản lớn. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nến hiện ủng hộ cho xu hướng hồi phục của chỉ số. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Long các HDTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các hợp đồng các HĐ VN30F209 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, tương tự KLGD khi các hợp đồng các HĐ VN30F209 và VN30F2212 tăng, các HĐ VN30F205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2211	12/27/2022	152	8:1	1,773,900	47.13%	1,000	640	23.08%	463	1.38	26,693	23,333	24,450
CHDB2207	12/7/2022	132	3:1	8,000	38.66%	2,500	1,420	22.41%	805	1.76	24,860	24,500	24,400
CSTB2213	1/3/2023	159	8:1	80,800	47.13%	1,000	660	22.22%	405	1.63	36,044	24,444	24,450
CSTB2215	3/28/2023	243	5:1	590,900	47.13%	1,100	1,370	20.18%	1,029	1.33	30,922	22,222	24,450
CSTB2214	1/9/2023	165	2:1	174,800	47.13%	1,630	2,460	18.84%	2,007	1.23	23,480	23,000	24,450
CPNJ2202	10/3/2022	67	24.8:1	11,100	41.25%	1,200	800	9.59%	675	1.19	117,834	99,999	113,000
CMSN2209	3/28/2023	243	19.8:1	100	42.61%	1,400	1,200	9.09%	808	1.49	120,719	111,413	109,900
CMBB2206	10/3/2022	67	10:1	47,000	36.03%	1,000	560	7.69%	385	1.45	31,422	22,222	25,550
CKDH2208	12/7/2022	132	4.54:1	2,300	35.35%	2,400	2,160	7.46%	1,027	2.10	43,019	35,891	38,000
CHDB2208	3/8/2023	223	5:1	655,400	38.66%	1,100	1,160	7.41%	717	1.62	28,499	23,999	24,400
CMBB2207	1/3/2023	159	10:1	203,800	36.03%	1,000	650	6.56%	380	1.71	41,356	23,456	25,550
CKDH2209	3/28/2023	243	7.26:1	216,100	35.35%	1,200	1,340	3.88%	789	1.70	53,768	36,344	38,000
CFPT2203	8/1/2022	4	3.3:1	904,300	33.19%	3,800	1,940	1.57%	1,980	0.98	80,068	95,000	84,900
CVNM2204	10/7/2022	71	9.67:1	408,400	26.77%	1,500	730	1.39%	504	1.45	70,603	73,000	72,600
CPNJ2203	10/3/2022	67	24.8:1	264,100	41.25%	1,300	760	1.33%	605	1.26	139,190	109,999	113,000
CPNJ2201	9/20/2022	54	7.91:1	46,100	41.25%	2,300	2,650	1.15%	2,543	1.04	113,216	95,500	113,000
CVNM2207	3/28/2023	243	15.4:1	6,600	26.77%	1,100	1,150	0.88%	620	1.86	68,668	68,668	72,600
CTPB2204	3/28/2023	243	10:1	321,300	44.30%	1,000	880	0.00%	598	1.47	39,388	23,888	27,200
CMSN2208	10/7/2022	71	14.8:1	5,700	42.61%	2,400	1,330	-1.48%	796	1.67	111,485	104,233	109,900
CTPB2203	10/28/2022	92	10:1	419,900	44.30%	1,000	630	-5.97%	514	1.23	75,899	22,999	27,200
Tổng				4,366,700	38.97%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CSTB2208 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 4185.71% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 87.62%, CTCB2204 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.25% thị trường.
- CHPG2206, CHPG2207, CHPG2208, và CHPG2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2202, CTCB2206, CMSN2206, và CVRE2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CSTB2214 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	62.0	-0.2%	0.7	3,946	5.3	3,515	17.6	4.1	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	113.0	0.7%	0.7	1,191	3.5	5,308	21.3	3.4	49.0%	19.9%
BVH	Bảo hiểm	56.6	-1.0%	1.2	1,827	1.9	2,529	22.4	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	46.4	-1.3%	0.7	473	0.1	3,287	14.1	1.4	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	67.0	0.8%	0.5	11,110	3.3	(578) #N/A	N/A	2.4	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.1	6.8%	1.1	2,776	5.2	571	49.3	2.0	31.8%	4.2%
VHM	Bất động sản	58.8	0.3%	0.8	11,132	4.9	6,442	9.1	2.1	23.2%	25.8%
DXG	Bất động sản	24.6	2.7%	1.4	648	15.2	1,503	16.3	1.6	29.1%	11.3%
SSI	Chứng khoán	21.2	3.7%	1.7	1,370	17.8	2,841	7.4	1.5	22.2%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.9	1.3%	1.0	567	9.7	4,546	8.6	1.8	18.3%	24.3%
HCM	Chứng khoán	26.0	1.2%	1.6	517	12.0	2,522	10.3	1.5	42.4%	17.5%
FPT	Công nghệ	84.9	-0.4%	1.0	4,049	6.2	4,517	18.8	4.8	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	71.0	1.6%	0.4	1,014	0.0	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	106.3	1.5%	1.0	8,846	2.4	5,109	20.8	3.7	3.0%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.5	0.5%	1.5	2,293	1.3	1,950	21.3	2.1	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.3	2.2%	1.6	484	4.9	1,408	16.6	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.8	1.2%	0.8	3,343	10.8	2,108	11.8	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.0	-0.9%	0.3	523	0.0	6,361	14.5	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	47.0	1.2%	1.3	799	5.9	12,920	3.6	1.5	16.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	30.6	1.0%	1.2	704	6.1	7,062	4.3	1.6	9.0%	44.8%
VCB	Ngân hàng	75.3	0.4%	0.8	15,494	3.8	#N/A	N/A	#N/A	23.5%	#VALUE!
BID	Ngân hàng	36.5	2.7%	1.2	8,028	3.2	2,266	16.1	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.6	2.2%	1.5	5,767	11.0	2,558	10.8	1.4	26.6%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.4	2.5%	1.2	5,489	23.3	3,755	7.6	1.4	17.6%	22.2%
MBB	Ngân hàng	25.6	2.6%	1.3	4,197	10.3	3,623	7.1	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.5	1.0%	1.1	3,590	3.6	3,482	7.0	1.6	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	58.4	-0.7%	0.7	208	0.1	4,413	13.2	1.9	85.4%	15.2%
NTP	Nhựa	39.0	-0.3%	0.6	220	0.0	3,914	10.0	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.5	1.6%	1.6	932	0.2	178	109.6	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.4	0.7%	1.1	5,410	21.9	5,726	3.7	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	17.0	3.0%	1.6	368	2.7	7,157	2.4	0.7	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.6	0.6%	0.6	6,597	3.8	4,390	16.5	4.7	54.7%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	173.0	3.2%	0.8	4,824	1.8	5,969	29.0	5.2	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	109.9	0.0%	1.0	6,803	3.0	7,041	15.6	5.7	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.1	2.3%	1.6	495	0.8	1,144	15.8	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	87.0	-0.9%	0.8	8,235	0.1	363	239.8	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.4	1.7%	1.1	3,000	3.0	361	352.5	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.1	0.9%	1.7	1,550	0.5	(5,210) #N/A	N/A	#N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.0	0.0%	1.0	655	2.0	2,256	22.2	2.3	46.0%	10.8%
PVT	Vận tải	19.2	2.1%	1.4	270	1.3	2,088	9.2	1.2	13.4%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.5	1.5%	0.9	511	0.5	10,540	7.0	2.3	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	60.7	1.0%	0.8	1,183	2.4	4,345	14.0	3.5	5.7%	27.6%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	1.9%	1.1	267	0.5	506	31.8	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	60.0	1.7%	1.2	193	1.7	(27) #N/A	N/A	0.5	51.8%	0.0%
CII	Xây dựng	20.2	2.0%	1.4	221	6.4	1,266	15.9	0.9	10.6%	6.1%
REE	Điện	77.7	0.1%	-1.4	1,201	3.2	6,593	11.8	2.0	49.1%	16.7%
PC1	Điện	37.8	1.6%	-0.4	386	2.2	3,238	11.7	1.8	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.6	3.4%	0.6	1,380	11.4	859	15.8	1.1	2.2%	6.9%
NT2	Điện	26.3	1.3%	0.6	329	1.6	3,116	8.4	1.7	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	37.8	4.1%	1.5	1,262	20.9	866	43.7	2.0	19.2%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	71.9	5%	1.0	3,236	1.3	1,475	48.7	4.3	2.7%	11.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	36.50	2.67	1.22	2.05MLN
VRE	28.10	6.84	1.06	4.38MLN
BCM	71.90	4.96	0.89	434600
GVR	23.95	3.68	0.86	2.56MLN
SAB	173.00	3.16	0.86	233300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BVH	0.00	-0.11	784800	1.11MLN
DBC	-0.01	-0.11	12.92MLN	607060
FPT	0.00	-0.08	1.66MLN	373600
HAG	0.00	-0.07	24.09MLN	192700
FRT	0.00	-0.05	1.69MLN	611640

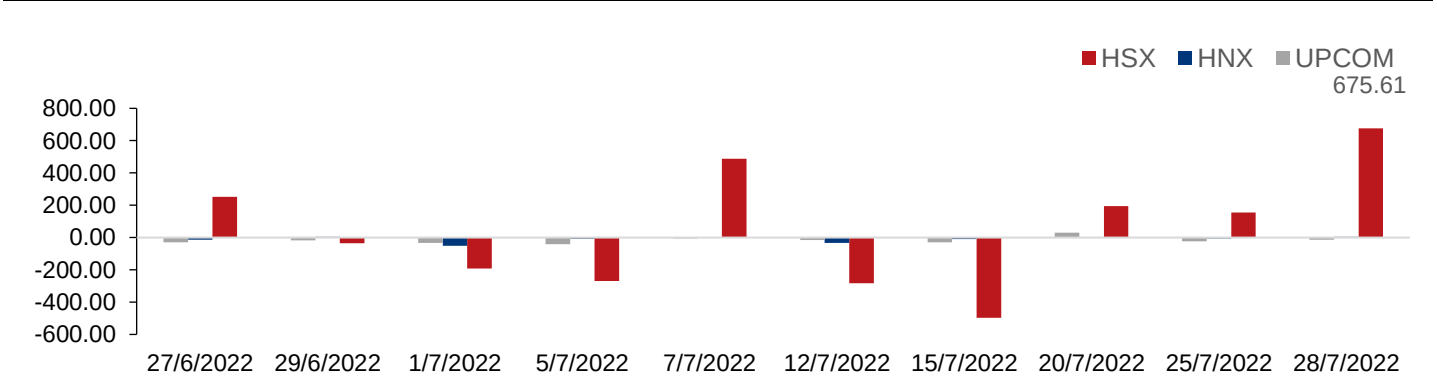
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	64.30	6.99	0.02	2400.00
CRC	6.74	6.98	0.00	844300
HUB	26.05	6.98	0.01	116100
VPH	9.81	6.98	0.02	1.10MLN
ABS	12.40	6.90	0.02	1.22MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	103.50	-6.92	-0.04	100
ST8	16.85	-6.91	-0.01	174600
DBC	24.60	-6.82	-0.11	12.92MLN
LEC	9.09	-6.67	0.00	900
HAS	10.75	-6.11	0.00	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	47.0	12,920	3.6	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.1	506	31.8	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	26.3	3,116	8.4	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.1	0	151.0	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	36.6	6,244	5.9	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.6	1,187	19.9	1.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	37.8	3,238	11.7	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.6	859	15.8	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	17.7	9,632	1.8	0.7	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	77.7	6,593	11.8	2.0	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	36.5	4,406	8.3	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	106.3	5,109	20.8	3.7	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	44.1	3,842	11.5	2.0	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	21.4	5,726	3.7	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	17.0	4,170	4.1	1.8	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.8	2,108	11.8	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	67.0	3,434	19.5	5.5	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	113.0	5,308	21.3	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.7	1,701	8.6	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.3	3,116	8.4	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	70.4	10,782	6.5	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	76.5	4,874	15.7	5.0	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	37.8	3,238	11.7	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.8	66	223.7	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.9	4,517	18.8	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.5	2,279	12.1	1.9	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	17.7	9,632	1.8	0.7	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.6	859	15.8	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	113.0	5,308	21.3	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	62.0	3,515	17.6	4.1	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.2	2,088	9.2	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	96.0	12,412	7.7	3.9	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.4	5,726	3.7	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	37.8	866	43.7	2.0	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.0	5,207	4.4	1.4	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	24.6	1,503	16.3	1.6	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	60.5	4,775	12.7	4.8	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	44.1	3,842	11.5	2.0	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.2	2,906	9.4	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	82.4	11,153	7.4	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.2	1,941	14.5	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	46.4	3,287	14.1	1.4	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.3	1,408	16.6	0.9	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	106.3	5,109	20.8	3.7	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	21.2	4,011	5.3	1.4	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	60.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.7	1,701	8.6	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639